

Số: 22 /KH-TLV

Vĩnh Bảo, ngày 08 tháng 12 năm 2016

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM (2016 – 2020)**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đánh giá khái quát tình hình hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo được chuyển đổi từ Công ty Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND, ngày 06/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng, với 100% vốn Nhà nước do UBND Thành phố Hải Phòng làm chủ sở hữu.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204002766 ngày 09/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 30/11/2010, mã số doanh nghiệp 0200110909. Vốn điều lệ được xác định tại thời điểm chuyển đổi là: 74.000 triệu đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm: Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông dân dụng và công nghiệp; Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp; Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh; Bán buôn, bán lẻ máy móc nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi; Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; Tư vấn thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Nhiệm vụ chính của Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao là quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo. Thực hiện Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho các Công ty thủy lợi. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang quản lý, vận hành toàn bộ 73 cống dưới đê, 97 tuyến kênh trực, kênh liên xã và công trình trên kênh, 03 trạm tiêu úng và 170 trạm bơm tưới.



Hàng năm Công ty đã cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước, đúng khung thời vụ cho trên 27.000 ha lúa, rau màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản quay vòng cả năm, năng suất lúa của huyện luôn dẫn đầu thành phố, kịp thời tiêu thoát nước khi có mưa lũ xảy ra, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa lũ gây ra.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 5 năm (2011-2015)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Điều lệ	Trđ	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
2	Vốn Chủ sở hữu	Trđ	75.222	80.646	134.450	222.851	238.142
3	Diện tích tưới thanh lý HĐ	Ha	23.824	23.803	26.830	26.722	26.367
4	Doanh thu	Trđ	15.151	20.952	23.810	27.984	35.859
	- Quản lý khai thác	Trđ	12.241	18.184	21.236	27.854	35.740
	- Kinh doanh khác	Trđ	2.910	3.768	2.574	130	119
5	Lợi nhuận	Trđ	324	510	169	101	109
6	Số lao động	Ng	140	145	144	148	152
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Trđ	2,92	3,56	4,03	4,45	4,7
8	Nộp ngân sách	Trđ	335	563	443	151	157
9	BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ (nộp đủ)	Trđ	1.170	1.615	1.870	2.139	2.140

3. Những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện sản xuất kinh doanh trong 5 năm (2011-2015)

Thuận lợi: Trong giai đoạn 2011 – 2015, Nhà nước tiếp tục xác định nông nghiệp vẫn là yếu tố giữ ổn định nền kinh tế, tạo đà cho các ngành kinh tế khác phát triển. Do đó, Nhà nước tiếp tục duy trì chính sách an sinh xã hội, tiếp tục đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn theo chương trình, mục tiêu xây dựng nông thôn mới, trong đó công tác thủy lợi là khâu quan trọng để xây dựng mục tiêu này. Trong giai đoạn này, Công ty tiếp tục được ngân sách nhà nước cấp kinh phí miễn thu thủy lợi phí, do vậy Công ty đã chủ động trong việc duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi, đảm bảo đời sống cho người lao động, ngân sách đã bố trí vốn để nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi đáp ứng được một phần nhu cầu cấp thiết của Công ty hiện nay.

Khó khăn: Trong giai đoạn 2011 – 2015, Công ty tiến hành tiếp nhận các công trình thủy lợi được bàn giao từ địa phương sang Công ty quản lý theo Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng, về phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Qua tiếp nhận bàn giao, nhiều công trình đã xuống cấp trầm trọng, kênh mương bị nông đầy, bờ kênh bị sạt lở, chỉ giới hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, các trạm bơm điện được đầu tư xây dựng quá lâu, không được duy tu, sửa chữa thường xuyên dẫn đến hỏng hóc quá nhiều, tiêu thụ điện năng quá lớn không đảm bảo cho việc vận hành. Để đảm bảo cho phục vụ sản xuất, Công ty vẫn phải duy tu, sửa chữa trong khi nguồn kinh phí của Công ty có hạn.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của thành phố đã tiến hành nâng cấp, cải tạo các trạm bơm điện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Theo đề án đến năm 2015 sẽ tiến hành xong việc nâng cấp, cải tạo các trạm bơm điện. Tuy nhiên, cho đến nay đối với Công ty thủy lợi Vĩnh Bảo số lượng các trạm bơm điện chưa được nâng cấp, cải tạo theo đề án còn rất lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo.

Về bảo vệ nguồn nước ngọt sông Chanh Dương là hết sức cấp thiết trong tình hình hiện nay, thành phố đã ban hành Nghị quyết về vấn đề này. Tuy nhiên để bảo vệ tốt nguồn nước ngọt cần một lượng kinh phí đáng kể, trong khi nguồn kinh phí của Công ty để đảm bảo cho vấn đề này còn rất hạn chế, ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo vệ nguồn nước ngọt sông Chanh Dương.

Từ những thuận lợi, khó khăn trên và căn cứ chức năng, kết quả thực hiện nhiệm vụ 5 năm (2011-2015); dự báo tình hình phát triển của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm (2016-2020) với những nội dung tại phần II.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM (2016-2020)

1. Mục tiêu tổng quát

Xác định vai trò, vị trí, định hướng phát triển, nhiệm vụ của Công ty trong 05 năm của kỳ kế hoạch, cụ thể như sau:

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công tác thủy lợi để đáp ứng mục tiêu xây dựng nông thôn mới của huyện Vĩnh Bảo.

0011
CỘNG HÒA
XÃ HỘI
CHÍNH THỊ
HẢI PHÒNG
THỦ
VĨNH
BẢO

Nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ công ích trên cơ sở hoàn thành tốt kế hoạch tưới tiêu hàng năm đã được ký kết với các đơn vị dùng nước, cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, quản lý vận hành công trình an toàn, chống xuống cấp công trình, tham gia tích cực có trách nhiệm vào công tác phòng chống lụt bão, chống úng hạn và xâm nhập mặn của huyện Vĩnh Bảo, ngăn chặn tình trạng lấn chiếm hành lang, chỉ giới, phạm vi bảo vệ công trình, chống xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các hành vi xâm hại công trình.

Khai thác tổng hợp công trình thủy lợi nhất là cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, có giải pháp để thu đủ tiền cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mi ni tại các xã.

Kết hợp chặt chẽ với các cấp các ngành, đặc biệt là với chính quyền địa phương để tuyên truyền về công tác bảo vệ công trình thủy lợi, cùng địa phương giải quyết các vấn đề nảy sinh vi phạm công trình thủy lợi. Tăng cường sự tham gia của công đồng trong công tác thủy lợi.

Sắp xếp hợp lý lao động dần tiến tới khoán công trình, khoán việc nhằm nâng cao trách nhiệm của người lao động, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu tăng lương tối thiểu của Nhà nước.

Phân đầu tăng doanh thu hàng năm, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng cường bảo dưỡng công trình để giảm chi phí sửa chữa thường xuyên và kéo dài thời gian đưa công trình vào sửa chữa lớn.

2. Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đề ra mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2016-2020. Để thực hiện các mục tiêu chung của Công ty, trước hết cần xây dựng các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá được kết quả đạt được hàng năm, số liệu cụ thể các chỉ tiêu chính giai đoạn (2016-2020) thể hiện ở phụ lục số 1 đính kèm báo cáo. Các chỉ tiêu chính xây dựng như sau:

- Sản phẩm chủ yếu: + Cấp nước thô tăng từ 1,44 triệu m³ năm 2016 lên 15,1 triệu m³ năm 2020, tăng bình quân 209 %/năm.

+ Diện tích tưới tiêu: Giảm từ 27.470 ha năm 2017 xuống 27.200 ha năm 2020, giảm bình quân 0,25%/năm.

- Tổng doanh thu: Tăng từ 34.069 triệu đồng năm 2016 lên 44.834 triệu đồng năm 2020, tăng bình quân 6,5 %/năm.

- Lợi nhuận trước thuế: Tăng từ 100 triệu đồng năm 2016 lên 150 triệu đồng năm 2020, tăng bình quân 10 %/năm.

- Nộp ngân sách Nhà nước: Tăng từ 180 triệu đồng năm 2016 lên 806 triệu đồng năm 2020, tăng bình quân 89 %/năm.

- Số lao động bình quân: 218 người

- Thu nhập bình quân: Tăng từ 66 triệu đồng/người/năm năm 2016 lên 75,6 triệu đồng/người/năm, tăng bình quân 3 %/người/năm.

Về sản lượng nước thô trong giai đoạn 2016 – 2020 tăng mạnh là do trong thời gian qua toàn bộ các nhà máy nước trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo đang sử dụng nguồn nước của Công ty để sản xuất nước sạch. Nhưng đến thời điểm hiện tại chỉ có duy nhất Công ty Cấp nước Hải Phòng ký hợp đồng và thanh toán tiền nước thô. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đôn đốc các nhà máy nước mini tiến hành ký kết hợp đồng. Mặt khác, Công ty Cấp nước Hải Phòng đang tiến hành đầu tư xây mới một nhà máy nước. Trong thời gian tới sẽ đi vào hoạt động. Chính vì vậy, sản lượng nước thô trong giai đoạn 2016 – 2020 dự kiến tăng cao, từ đó doanh thu kế hoạch và nộp ngân sách cũng tăng theo.

Về lao động: Công ty tính toán theo định mức quy định tại Quyết định số 1890/2012/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng. Số người dự kiến tăng lên theo từng năm là do dự kiến tăng sản lượng cung cấp nước thô.

3. Kế hoạch triển khai

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trong 05 năm tới, Công ty xác định nhiệm vụ chính vẫn là hoạt động dịch vụ công ích, lấy kết quả phục vụ là thước đo. Do đó, Công ty đảm bảo đủ nguồn nước, chất lượng nước phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp của huyện Vĩnh Bảo, tập trung đẩy mạnh công tác cung cấp nước thô cho các nhà máy nước phục vụ đời sống dân sinh kinh tế, tăng doanh thu cho Công ty. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm tới được cụ thể tại phụ lục số 1 kèm theo.

3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

3.2.1. Kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi bằng nguồn miễn thu thủy lợi phí và thu từ nước thô

090g
T.Y.
H.H.U.I.
NH.V.
DONG.T.
Y.L.C.
I.B.A.C.
T.P.H.

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và căn cứ các Thông tư, Hướng dẫn của Nhà nước. Trên cơ sở hiện trạng công trình thủy lợi do Công ty quản lý sau phân cấp theo Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng; Quyết định số 371/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng, về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Công ty với chức năng, nhiệm vụ được giao lập kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi bằng nguồn miễn thu thủy lợi phí và thu từ nước thô cho giai đoạn 2016 – 2020 với tổng giá trị là: 48.620 triệu đồng (theo kế hoạch chi tiết tại phụ lục số 2 kèm theo).

3.2.2. Kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm bơm điện

Căn cứ Đề án số 3771/ĐA-UBND ngày 14/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng về cải tạo, nâng cấp trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, đã được thông qua tại Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng. Tổng số trạm bơm trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo được phê duyệt đầu tư nâng cấp, cải tạo theo đề án là 162 trạm. Tính đến hết năm 2015, tổng số trạm bơm đã được nâng cấp, cải tạo là 63 trạm, trong đó: nâng cấp là 54 trạm; cải tạo là 9 trạm.

Theo đề án được duyệt, tính đến hết năm 2015 tổng số trạm bơm chưa được nâng cấp, cải tạo là 99 trạm, trong đó: chưa nâng cấp là 69 trạm; chưa cải tạo là 30 trạm. Căn cứ theo các công trình đã được nâng cấp, cải tạo và mức hỗ trợ của ngân sách quy định tại Nghị quyết 12/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo lập kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm bơm điện giai đoạn 2016 – 2020 với tổng mức đầu tư là: 53.500 triệu đồng (theo kế hoạch chi tiết tại phụ lục số 2 kèm theo).

3.2.3. Kế hoạch bảo vệ nguồn nước ngọt trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2016 – 2020

Căn cứ Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt tại sông Rế, sông Giá, sông Đa Độ, kênh Chanh Dương, kênh Hòn Ngọc, hệ thống Trung thủy nông Tiên Lãng trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2013-2020; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 của UBND thành phố Hải Phòng, về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 23/2013/NQ-

HĐND thành phố. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đề xuất triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước ngọt trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo cụ thể như sau:

Cấm mốc chỉ giới công trình và xây dựng quy trình vận hành hệ thống.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về quản lý, khai thác, bảo vệ, sử dụng tài nguyên nước.

Điều tra, thống kê, lập danh mục các cơ sở phát sinh nước thải, các vị trí xả thải gây ô nhiễm nguồn nước.

Xử lý những vi phạm pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước, giải tỏa những vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ nguồn nước.

Bố trí kinh phí để nâng cấp, cải tạo công trình.

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo lập kế hoạch kinh phí về bảo vệ nguồn nước ngọt huyện Vĩnh Bảo giai đoạn 2016 – 2020 với tổng kinh phí là: 8.000 triệu đồng (theo kế hoạch chi tiết tại phụ lục số 2 kèm theo).

3.2.4. Dự án đầu tư xây dựng kè bờ và nạo vét kênh Ba Đồng (đoạn KC2 từ cầu UBND xã Tân Liên đến trạm bơm Xi Phong)

Tuyến kênh Ba Đồng nằm trên địa bàn xã Tân Liên, đây là địa bàn có cụm Công nghiệp với diện tích 71ha và phục vụ dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, 400 ha thuộc hai xã Tân Liên và Tam Đa. Hiện nay bờ kênh đã bị vỡ lở, hiệu chỉnh sâu vào đường nhựa gây nguy hiểm cho việc giao thông đi lại khu vực này. Để chủ động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế thì việc kè bờ và nạo vét tuyến kênh này là rất cấp bách. UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 5812/VP-NN ngày 17/12/2015 đồng ý chủ trương đầu tư công trình này, dự kiến tổng mức đầu tư là: 20.000 triệu đồng (theo kế hoạch chi tiết tại phụ lục số 2 kèm theo).

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về tài chính:

4.1.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích:

Thúc đẩy tăng doanh thu bằng việc ổn định nguồn ngân sách cấp cho công tác miễn thu thủy lợi phí, tăng nguồn thu từ nước thô cung cấp cho các nhà máy

nước, đặc biệt là các nhà máy nước mi ni trên địa bàn huyện đã sử dụng nguồn nước của Công ty để sản xuất nước sạch nhưng chưa trả tiền. Để thực hiện kế hoạch đề ra, Công ty tiến hành ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh lý diện tích theo từng vụ đảm bảo kế hoạch. Ký kết hợp đồng cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mi ni, tiến hành thu đủ tiền cung cấp nước thô để đảm bảo kế hoạch đề ra. Thực hiện tiết kiệm chi phí bằng việc ban hành các định mức nhất là định mức tiền điện của các trạm bơm tưới, từ đó gắn với trách nhiệm của công nhân vận hành và cụm sản xuất, xây dựng cơ chế thưởng, phạt gắn với trách nhiệm quản lý công trình.

4.1.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm công việc mà Công ty có lợi thế như tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế công trình thủy lợi nhằm tăng doanh thu theo kế hoạch đã đề ra.

4.2. Giải pháp về sản xuất: Thực hiện sắp xếp mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn, chuyên sâu về chuyên môn.

4.3. Giải pháp về nguồn nhân lực: Thực hiện đào tạo và đào tạo lại thường xuyên đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu quản lý và mở rộng sản xuất kinh doanh.

4.4. Giải pháp về công nghệ - Kỹ thuật: Thực hiện cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới để quản lý vận hành công trình, nghiên cứu cải tiến để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành bằng thủ công.

4.5. Giải pháp quản lý và điều hành:

Tăng cường một bước về quản lý điều hành Công ty, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới, tiêu phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế của huyện Vĩnh Bảo. Tiến hành làm việc với các nhà máy nước mi ni trên địa bàn toàn huyện để ký kết hợp đồng cung cấp nước thô theo quy định của Nhà nước, thu đúng, thu đủ tiền cung cấp nước thô đối với các đơn vị này nhằm đảm bảo nguồn thu cũng như khả năng chi trả các khoản chi liên quan đến hoạt động này.

4.5.1. Giải pháp về bảo vệ công trình thủy lợi

- Xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, lập biên bản, đồng thời báo cáo và đề nghị chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các cấp chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

4.5.2. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích theo hướng tiến tới việc đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2009 của Chính phủ và Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện phân cấp công trình thủy lợi theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

- Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống hạn, xâm nhập mặn vụ Đông - Xuân; phương án phòng, chống lụt bão cho toàn hệ thống, từng khu vực và từng công trình trọng điểm.

Trên đây là Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo, Công ty xin kính trình Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở KH và ĐT;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Lưu VT.



PHỤ LỤC SỐ 1

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2016-2020)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH thực hiện của kỳ kế hoạch 5 năm (2016-2020)
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:							
	- Diện tích tưới tiêu	Ha	26.644	27.470	27.400	27.300	27.200	136.014
	- Cấp nước thô	Triệu m ³	1,44	1,44	1,5	14,7	15,1	34,18
2	Doanh thu	Triệu đồng	34.069	32.513	32.567	44.460	44.834	188.443
	- Dịch vụ công ích	Triệu đồng	32.643	31.091	31.091	31.100	31.100	157.025
	- Cấp nước thô	Triệu đồng	1.296	1.296	1.350	13.230	13.604	30.776
	- Thu khác	Triệu đồng	130	126	126	130	130	642
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100	110	130	140	150	630
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	180	192	195	788	806	2.161
5	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	7.370	37.350	41.750	21.700	21.950	130.120
6	Số lao động	Người	214	212	213	226	228	Bình quân: 218
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	5,5	5,7	5,9	6,1	6,3	Bình quân: 5,9

Ghi chú: Chỉ tiêu kế hoạch diện tích tưới tiêu năm 2016 là 26.644 ha, công ty xây dựng theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí năm 2016 trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trong quá trình thực hiện Quyết định trên công ty đã phối hợp với chính quyền các địa phương và các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo rà soát lại diện tích tưới tiêu thực tế của năm 2016, diện tích tưới, tiêu rà soát là 27.470 ha, do đó năm 2017 công ty xây dựng kế hoạch diện tích tưới tiêu bằng diện tích thực hiện trên thực tế của năm 2016 là 27.470 ha.



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2016-2020)
PHỤ LỤC SỐ 2

Tên dự án	Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn NSDP (tỷ đồng)		Phân kỳ thực hiện (tỷ đồng)					Ghi chú
			Đã bố trí vốn	Chưa bố trí vốn	2016	2017	2018	2019	2020	
ế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình ủy lợi bằng nguồn miễn thu thủy lợi phí và u từ nước thô		48,62			7,37	10,65	10,15	10,1	10,35	
àng cấp, cải tạo trạm bơm điện		53,5		x		18,7	11,6	11,6	11,6	
àng cấp trạm bơm Kênh Hữu		0,7						0,7		
àng cấp trạm bơm Thượng Đồng		0,67							0,67	
àng cấp trạm bơm Vườn Điện		0,7						0,7		
àng cấp trạm bơm Liều Điện 1		0,85				0,85				
àng cấp trạm bơm Liều Điện 2		0,7					0,7			
àng cấp trạm bơm Thôn 6		0,75				0,75				
àng cấp trạm bơm Đồng Còng		0,67							0,67	
àng cấp trạm bơm Đồng Quan		0,8				0,8				
àng cấp trạm bơm Xuân Bò		0,7					0,7			
àng cấp trạm bơm Cự Lai		0,7						0,7		
àng cấp trạm bơm Thượng Lộc		0,67							0,67	
àng cấp trạm bơm Thôn Thắng		0,7				0,7				
àng cấp trạm bơm Đồng Kênh		0,75				0,75				
àng cấp trạm bơm Chùa Mô		0,7					0,7			
àng cấp trạm bơm Đoàn Kết		0,75				0,75				
àng cấp trạm bơm Đồng Chiềng		0,75				0,75				
àng cấp trạm bơm Trúc Hiệp		0,75				0,75				

ăng cấp trạm bơm Đồng Hoa	0,73					0,73				
ăng cấp trạm bơm An Tri	0,75					0,75				
ăng cấp trạm bơm Cúc Thủy	0,7						0,7			
ăng cấp trạm bơm Áp Giáo	0,75					0,75				
ăng cấp trạm bơm Cửa Hàng	0,85					0,85				
ăng cấp trạm bơm Linh Đông 1	0,7						0,7			
ăng cấp trạm bơm Đồng Bến	0,8					0,8				
ăng cấp trạm bơm Ngải Đông	0,75					0,75				
ăng cấp trạm bơm Trần Hải	0,67								0,67	
ăng cấp trạm bơm Áng Ngoại	0,7							0,7		
ăng cấp trạm bơm Cầu Trại	0,65							0,65		
ăng cấp trạm bơm Cầu Rùa	0,7						0,7			
ăng cấp trạm bơm Thượng Điện	0,67								0,67	
ăng cấp trạm bơm Tâm Thượng 1	0,7						0,7			
ăng cấp trạm bơm Tâm Thượng 3	0,75					0,75				
ăng cấp trạm bơm Liễu Kinh 3	0,7							0,7		
ăng cấp trạm bơm Viên Lang 1	0,7						0,7			
ăng cấp trạm bơm Viên Lang 2	0,6							0,6		
ăng cấp trạm bơm Thiết Tranh	0,75						0,75			
ăng cấp trạm bơm Nền Quán	0,6							0,6		
ăng cấp trạm bơm Đồng Bàn	0,67								0,67	
ăng cấp trạm bơm Xóm 3	0,75					0,75				
ăng cấp trạm bơm Xóm 5 (Đồng Trượng)	0,7					0,7				
ăng cấp trạm bơm Xóm 6-7	0,6							0,6		
ải tạo trạm bơm Tân Liên 2	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Tiền Hải	0,15							0,15		
ải tạo trạm bơm Nhuệ An	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm An Lăng	0,15						0,15			

3110909
 CÔNG TY
 HỮU
 T. TRẦN H
 THỰC CÔNG
 THỦY L
 VINH BẮC
 7840 T.P.

ải tạo trạm bơm Nội Tả	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm An Bồ	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Cô Tĩnh	0,15						0,15			
ải tạo trạm bơm Hoàng Lộ	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Tư Văn	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Khê Sơn 1	0,15						0,15			
ải tạo trạm bơm Bãi Hàm	0,15									
ải tạo trạm bơm Bãi Lôi	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Bắc Hải	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Lễ Hợp	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Công Trung	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Cầu Sáu 2	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Trại Chanh	0,15						0,15			
ải tạo trạm bơm Đường 17	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Đồng Cheo	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Dương Am	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Bảo Ngải	0,15						0,15			
ải tạo trạm bơm Trần Bắc	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Đồng Vôi	0,15									
ải tạo trạm bơm Cúc Phố	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Đồng Gạo	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Tầm Thượng 2	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Viên Lang 3	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Đường Hán	0,15					0,15				
ải tạo trạm bơm Xóm 8	0,15								0,15	
ải tạo trạm bơm Xóm 9-10	0,15						0,15			
ác dự án thực hiện theo Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội										

